

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ
giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước
của Sở Giao thông vận tải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1876/TTr-SGTVT ngày 21/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải.

(Có Phụ lục I kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt 02 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải.

(Có Phụ lục II kèm theo)

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tủng (40b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1150/QĐ-UBND, ngày 28/06/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
A	CẤP TỈNH (02 TTHC)					
I	LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Trong thời hạn 13 ngày làm việc, nếu hồ sơ đầy đủ và phù hợp theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Trực tiếp - Qua hệ thống bưu chính - Trực tuyến	Không	- Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; - Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Trong thời hạn 13 ngày làm việc, nếu hồ sơ đầy đủ và phù hợp theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Trực tiếp - Qua hệ thống bưu chính - Trực tuyến	Không	- Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; - Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1150/QĐ-UBND, ngày 28/06/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM

1. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ TTHC về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức bộ phận một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy <i>(nếu có yêu cầu)</i>	1/4 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ TTHC	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ TTHC	Thông báo kiểm tra, đánh giá. Thực hiện kiểm tra, đánh giá. Dự thảo giấy chứng nhận hoặc văn bản yêu cầu khắc phục để tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.	11,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
Bước 4	Văn thư phát hành văn bản, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư; Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Giấy chứng nhận hoặc văn bản yêu cầu khắc phục để tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.	1/4 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Giấy chứng nhận hoặc văn bản yêu cầu khắc phục để tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.	1/4 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			13 ngày

2. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới
- Quy trình:

Các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển, bàn giao hồ sơ TTHC về phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Công chức bộ phận một cửa	Scan hồ sơ điện tử và gửi kèm hồ sơ bản giấy (nếu có yêu cầu)	1/4 ngày
Bước 2	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Lãnh đạo phòng	Phân công, giao xử lý hồ sơ TTHC	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ TTHC	Thông báo kiểm tra, đánh giá. Thực hiện kiểm tra, đánh giá. Dự thảo giấy chứng nhận hoặc văn bản yêu cầu khắc phục để tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.	11,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, xét duyệt	1/4 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở	Phê duyệt	1/4 ngày
Bước 4	Văn thư phát hành văn bản, chuyển kết quả bộ phận một cửa	Văn thư Sở; Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Giấy chứng nhận hoặc văn bản yêu cầu khắc phục để tiến hành kiểm tra, đánh giá lại	1/4 ngày
Bước 5	Tiếp nhận, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức bộ phận một cửa	Giấy chứng nhận hoặc văn bản yêu cầu khắc phục để tiến hành kiểm tra, đánh giá lại	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				13 ngày